

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN NINH KIỀU**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HS-ST

Ngày: 17/8/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến.

2. Bà Phạm Thị Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N (Tên gọi khác: Ph), sinh năm 1973; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: ấp T, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Con ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Thị H; Anh, chị em ruột: có 07 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1988; Con: có 02 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2020, Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 504 T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bị hại: Ông Lại Thế H, sinh năm 1965 *(Có mặt)*

Địa chỉ: 53 Nguyễn H, khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1996 *(Có mặt)*

Địa chỉ: 933/4/12C tỉnh lộ 10, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

2. Ông Phan Nhỏ E, sinh năm 1978 *(Có mặt)*

Địa chỉ: 25 đường M, KV. T, P. H, quận Th, TP. Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lại Thế H quen biết với Nguyễn Thị N từ khoảng tháng 7/2019 qua sự giới thiệu của bà Trần Thị N. N tự giới thiệu bản thân làm nghề buôn bán hàng hóa thường xuyên đi qua lại giữa Việt Nam và Hàn Quốc nhưng thực chất N chỉ ở Việt Nam, chưa từng đi Hàn Quốc. Thời gian quen biết nhau, N biết ông H muốn đi sang Hàn Quốc làm ăn nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H bằng việc nói dối rằng N có khả năng nhận làm thủ tục xuất cảnh đi Hàn Quốc, nhập quốc tịch Hàn Quốc, N bịa ra chuyện có người cháu làm phiên dịch ở Đại sứ quán Hàn Quốc có thể dễ dàng giúp làm thủ tục đi Hàn Quốc. N nói có thể làm được giấy tờ để xuất cảnh đi Hàn Quốc với giá 400.000.000đồng/01 người nhưng do quen biết với ông H nên chỉ lấy 220.000.000đồng, ông H mặc cả giá 170.000.000đồng thì N đồng ý. Ông H đã đưa tiền cho N được 03 lần với tổng số tiền 170.000.000đồng. Đồng thời, N yêu cầu ông H phải kết hôn giả với N, sắm vàng cưới cho N để dễ dàng làm thủ tục bảo lãnh ông H đi Hàn Quốc nên ông H mua một số vàng trị giá 28.185.000 đồng. Bên cạnh đó, N yêu cầu ông H mua tặng N 01 xe mô tô đổi lại sau này N sẽ tặng ông H chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 nên ông H đã mua 01 xe mô tô hiệu Honda Lead trị giá 40.150.000đồng tặng cho N, do N đứng tên đăng ký xe. Sau khi đưa tiền và tặng tài sản cho N, ông H liên tục hối thúc N về thủ tục đi Hàn Quốc nên N thuê Lê Minh T điện thoại cho ông H để phỏng vấn một số thông tin để củng cố thêm lòng tin cho ông H, N hứa trả cho Tài 2.000.000đồng nhưng chưa trả. Đến cuối năm 2019, N tiếp tục yêu cầu ông H đưa thêm số tiền 87.000.000đồng để làm hồ sơ và hộ chiếu nhưng ông H nói không có tiền. Do nghi ngờ N lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông H tố cáo đến cơ quan công an. Ngày 06/01/2020, trong lúc N đang gặp ông H để nhận thêm 10.000.000đồng thì bị lực lượng công an mời về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa CD có nội dung ghi âm các cuộc gọi điện thoại; Tiền Việt Nam 10.000.000đồng; 01 xe mô tô hiệu SH Mode biển số 65K1-378.57; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4; 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị N; 01 giấy phép lái xe tên Lê Thị Cẩm T; 01 thẻ ngân hàng VIB tên Nguyễn Thị N; 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị N; 02 hóa đơn bán hàng ngày 07/9/2019 và ngày 16/9/2019 của Công ty vàng bạc đá quý SJC Cần Thơ, tên người mua Lại Thế H; 01 phiếu thông tin khách hàng mua xe mới ngày 08/10/2019, tên khách hàng Nguyễn Thị N; 01 biên nhận cầm đồ của cửa hàng Tấn Trung ngày 09/10/2019, tên khách hàng Quyên; 03 hợp đồng cầm đồ của tiệm vàng Sáng các ngày 10/11/2019, 23/11/2019, 04/12/2019, tên khách hàng Quyên; 01 hợp đồng cầm đồ (bản photo) của cửa hàng Trường An ngày 05/11/2019, tên khách hàng Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động hiệu Bontel màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 65K1 – 424.68; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 035839 mang tên Nguyễn Thị N, biển số xe 65K1 – 424.68; 01 căn cước công dân số 092079003373 tên Trần Văn G.

Tại cơ quan công an, N thừa nhận bản thân chưa đi Hàn Quốc, không có khả năng làm thủ tục xuất cảnh, nhập quốc tịch Hàn Quốc, khi quen biết với ông H thì N nói dối thường xuyên đi qua Hàn Quốc buôn bán hàng hóa nên ông H nói muốn đi Hàn Quốc làm ăn, vì đang cần tiền trả nợ nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt

tài sản của ông H để trả nợ. Số tài sản N đã nhận của ông H gồm tiền, vàng, xe mô tô, tổng giá trị khoảng 238.335.000đồng nhưng N chỉ thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt số tiền 170.000.000đồng, đối với những tài sản còn lại là của ông H tặng do giữa ông H và N có quan hệ tình cảm nam nữ.

Bà Trần Thị N không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị N nên không xử lý.

Đối với Lê Minh T: giữa N và Tài quen biết nhau từ khoảng năm 2018, N nói dối làm nghề buôn bán mỹ phẩm, nhân sâm Hàn Quốc, làm thủ tục xuất cảnh, kết hôn với người Hàn Quốc, N nói cần Tài làm trợ lý giúp N làm các thủ tục giấy tờ thì N sẽ trả 10.000.000đồng nhưng Tài chưa đồng ý. Đối với hành vi gọi điện thoại phỏng vấn ông H thì Tài chỉ thực hiện công việc theo yêu cầu của N để hưởng thù lao mà không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N đối với ông H, không có ý thức giúp sức cho N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H.

Về xử lý vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Ninh Kiều đã trả lại tài sản cho bà Trần Thị N 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4; trả lại cho ông Lại Thế H tiền Việt Nam 180.000.000đồng; trả lại cho Trần Văn G 01 căn cước công dân số 092079003373 tên Trần Văn G.

Đối với xe mô tô biển số 65K1 – 424.68, Nguyễn Thị N cầm cố cho anh Phan Nhỏ E với giá 24.000.000đồng. Anh Em tự nguyện giao nộp xe mô tô trên và yêu cầu N trả lại số tiền 24.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự, bà Lê Thị Cẩm D là con ruột của bị cáo đã giao nộp số tiền 170.000.000đồng để khắc phục hậu quả.

Bản Cáo trạng số 82/CT-VKSNK ngày 22/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

#### *Tại phiên tòa:*

*Đại diện Viện kiểm sát* giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

*Bị cáo* thừa nhận hành vi phạm tội, đồng ý giao lại cho ông H xe moto nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 65K1 – 424.68 và trả lại cho ông H bằng tiền số vàng ông H đã mua cho bị cáo, trị giá 28.185.000đồng; trả cho ông Phan Nhỏ E số tiền 24.000.000đồng và xin được giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất với điều khoản luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại cũng có lỗi. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả tiền mua vàng, trả

xe cho bị hại; bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 54, Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

*Bị hại yêu cầu bị cáo giao trả ông 01 xe moto nhãn hiệu Honda Lead mà ông đã mua cho bị cáo và số tiền 28.185.000đồng ông đã bỏ ra mua vàng cho bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Nhỏ E yêu cầu bị cáo trả cho ông số tiền 24.000.000đồng.
- Bà Lê Thị Cẩm D không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị N đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối là tự giới thiệu bản thân làm nghề buôn bán hàng hóa thường xuyên đi qua lại giữa Việt Nam và Hàn Quốc, nhận làm thủ tục xuất cảnh đi Hàn Quốc, nhập quốc tịch Hàn Quốc mặc dù bản thân chưa đi Hàn Quốc, không có khả năng làm thủ tục xuất cảnh, nhập quốc tịch Hàn Quốc để nhận làm thủ tục xuất cảnh đi Hàn Quốc và nhập quốc tịch cho ông Lại Thế H nhằm chiếm đoạt tài sản của ông H. Số tài sản bị cáo đã nhận của ông H gồm tiền, vàng, xe mô tô, tổng giá trị khoảng 238.335.000 đồng. Tuy nhiên, khi thỏa thuận về số tiền để bị cáo làm thủ tục xuất cảnh đi Hàn Quốc và nhập quốc tịch Hàn Quốc cho bị hại thì hai bên thống nhất số tiền là 170.000.000đồng. Theo bị cáo trình bày thì ông H mua vàng và mua xe moto cho bị cáo là xuất phát từ tình cảm giữa bị cáo với ông H. Mặc dù ông H không thừa nhận giữa ông H và bị cáo có tình cảm nam nữ nhưng ông cũng xác định đổi lại việc ông mua vàng, mua xe cho bị cáo thì bị cáo sẽ tặng ông 01 điện thoại Iphone, sau khi ông sang Hàn Quốc thì sẽ sinh sống tại nhà của bị cáo. Do đó, việc mua vàng và mua xe moto là sự tự thỏa thuận giữa các bên nên tiền mua vàng và mua xe moto không được xem là tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của ông H.

Đối với số tiền 10.000.000đồng ông H giao cho bị cáo tại quán cafe và bị lực lượng công an lập biên bản, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ, Viện kiểm sát đã làm việc với ông H và tại phiên tòa ông H cũng xác định đây là số tiền ông chuẩn bị sau khi đã trình báo cơ quan công an do ông nghi ngờ bị cáo N lừa đảo. Lúc này ông không còn tin vào lời nói

dối của N nữa, việc ông giao tiền cho N để N ra mặt nhận tiền và không phủ nhận các lần ông đã giao trước đó cho bị cáo và việc nhận tiền cũng chưa hoàn thành nên số tiền này không được xem là tiền bị cáo chiếm đoạt của ông.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối của bị cáo N nhằm chiếm đoạt tài sản của ông H với số tiền 170.000.000đồng đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo là có căn cứ.

Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe nhưng không tích cực lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo biết rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được Luật hình sự bảo vệ và xâm phạm đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thì không thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt liên kề là khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự cho bị cáo như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo mà chỉ được xem xét khi quyết định mức hình phạt trong khung hình phạt bị cáo bị truy tố.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện học tập, tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội sau này. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo so với đề nghị của Kiểm sát viên nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

### [3] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra – Công an quận Ninh Kiều đã trả lại cho bà Trần Thị N 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4; trả lại cho ông Lại Thế H tiền Việt Nam 180.000.000đồng (bao gồm 170.000.000đồng do bà D nộp để khắc phục hậu quả và 10.000.000đồng thu giữ vào ngày 06/01/2020); trả lại cho ông Trần Văn G 01 căn cước công dân số 092079003373 tên Trần Văn G là phù hợp nên ghi nhận.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s: Bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Bontel màu đen, số imei: 359507076093963, gắn sim số 0949333484; 01 xe mô tô hiệu SH Mode biển số 65K1-378.57; 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị N, số 092173003141; 01 giấy phép lái xe tên Lê Thị Cẩm T, số AS107810; 01 thẻ ngân hàng VIB tên Nguyễn Thị N; 01 hộ chiếu mang tên

Nguyễn Thị N; 01 biên nhận cầm đồ của cửa hàng Tấn Trung ngày 09/10/2019, tên khách hàng Quyên; 03 hợp đồng cầm đồ của tiệm vàng Sáng các ngày 10/11/2019, 23/11/2019, 04/12/2019, tên khách hàng Quyên: là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 65K1 – 424.68: là tài sản ông H mua cho bị cáo và bị cáo đứng tên đăng ký chủ sở hữu theo giấy đăng ký xe mô tô số 035839 do Công an huyện Cờ Đỏ cấp ngày 09/10/2019. Bị cáo đồng ý giao trả cho ông H nên ghi nhận và công nhận quyền sở hữu cho ông H. Ông H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu xe nêu trên theo quy định.

- 01 giấy đăng ký xe mô tô số 035839 mang tên Nguyễn Thị N, biển số xe 65K1 – 424.68: Không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo đồng ý trả lại cho ông H bằng tiền số vàng ông H đã mua cho bị cáo trị giá 28.185.000đồng và trả cho anh Phan Nhỏ E số tiền 24.000.000đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo, không trái pháp luật nên ghi nhận.

Bà Duyên không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Đối với số tiền bị cáo tự nguyện trả cho ông H và ông Phan Nhỏ E, do đây là vấn đề phát sinh ngoài hành vi phạm tội của bị cáo và Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng:*

- Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thị N 2 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (08/01/2020).

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s (A1687), số Imei: 35573073600141(bị bể màn hình); đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng bên trong máy.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy đăng ký xe số 035839, biển số 65K1 – 424.68 mang tên Nguyễn Thị N, Công an huyện Cờ Đỏ cấp ngày 09/10/2019.

+ Trả lại cho bị cáo N: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SH Mode màu đỏ nâu, biển số 65K1-378.57, số máy JF51E0967857, số khung RLHJF5145GZ138138, dung tích 125 (Tình trạng xe đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng bên trong máy); 01 điện thoại di động hiệu Bontel màu đen, số imei: 359507076093963, gắn sim số

0949333484 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng bên trong máy); 01 căn cước công dân số 092173003141 mang tên Nguyễn Thị N; 01 giấy phép lái xe số AS107810 mang tên Lê Thị Cẩm T; 01 thẻ ngân hàng VIB, số tài khoản 610704060009361 mang tên Nguyễn Thị N; 01 hộ chiếu số C0761396 mang tên Nguyễn Thị N; 01 biên nhận cầm đồ ngày 09/10/2019 của cửa hàng Tấn Trung; 03 hợp đồng cầm đồ của tiệm vàng Sáng các ngày 18/11/2019, 23/11/2019, 04/12/2019.

+ Trả lại cho ông Lại Thế H: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 65K1-424.68, số máy JF89E0060437, số khung: RLHJF7938KZ038776, dung tích: 125 (Tình trạng xe đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng bên trong máy).

Ông H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu xe nêu trên theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo có trách nhiệm trả cho ông Lại Thế H số tiền 28.185.000đồng (Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trả cho ông Phan Nhỏ E 24.000.000đồng (Hai mươi tư triệu đồng).

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- CQCSĐT Công an Q.Ninh Kiều;
- Nhà tạm giữ Công an Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP.Cần Thơ;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Mai**